

NGUYỄN NGỌC MAI*

NGUỒN LỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

Tóm tắt: Nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo (TNTG) là vấn đề không mới trên thế giới. Ở Việt Nam, nguồn lực TNTG vẫn hiện diện trong thực tế cuộc sống xã hội và đời sống TNTG từ lâu, tuy nhiên, vấn đề này mới chỉ được thừa nhận trong giới nghiên cứu, quản lý và các cơ quan chức năng trong khoảng gần chục năm trở lại đây. Vậy, nguồn lực TNTG thể hiện trên những phương diện nào và hiệu quả của nó đối với phát triển xã hội và cộng đồng ra sao? Trong bài viết này, ngoài việc trình bày lý luận về nguồn lực TNTG, tác giả còn tập trung giới thiệu nguồn lực TNTG cũng như mối quan hệ với yếu tố quản lý nhà nước trong phát huy nguồn lực TNTG trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Từ khóa: Tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn lực tín ngưỡng, nguồn lực tôn giáo, quản lý nhà nước, Nam Định.

Dẫn nhập

Có thể nói, nhận thức về TNTG là một quá trình không phải lúc nào cũng theo chiều hướng tích cực và suôn sẻ. Từ chỗ TNTG bị đánh đồng với mê tín dị đoan, chỉ là một hình thái ý thức xã hội, cho đến khi được xem như là một thực thể xã hội. Ở Việt Nam, đây là một quá trình tích cực của nhận thức luận về TNTG và xem TNTG như một nguồn lực phát triển kinh tế xã hội trong những năm gần đây.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết là một trong những sản phẩm của đề tài cấp tỉnh (2022-2023) với chủ đề:
“Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại tỉnh
Nam Định” do TS. Nguyễn Ngọc Mai làm chủ nhiệm.
Ngày nhận bài: 13/9/2023; Ngày biên tập: 4/11/2023; Duyệt đăng: 18/11/2023.

Nguồn lực TNTG chính thức được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 171] không phải là một phát hiện mới về công năng xã hội của tôn giáo, mà đó chỉ là tái khẳng định về nguồn lực của TNTG, đóng góp cho sự phát triển của nhân loại.

Giới nghiên cứu tôn giáo đã và đang tích cực xây dựng hệ lý luận về thực thể tôn giáo, các đóng góp của tôn giáo cho xã hội, thể hiện ở nhiều hội thảo trong nước và quốc tế. Năm 2018, Hội đồng Lý luận Trung ương kết hợp với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam mà chủ lực là Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã tiến hành tổ chức Hội thảo khoa học “*Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay*”. Tại hội thảo, các nhà khoa học đã có những phân tích, đánh giá về các tôn giáo ở Việt Nam và xem như là một nguồn lực mới, góp phần vào sự phát triển xã hội bền vững là cái nhìn khách quan, đúng như chức năng, truyền thống và giá trị tinh thần vốn có của tôn giáo ở Việt Nam. Tiếp đó là Hội thảo quốc tế: “*Nguồn lực tôn giáo, kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam*” của Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo thuộc trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn vào tháng 12/2021; Hội thảo “*Cơ sở lý luận về nguồn lực tôn giáo trong lĩnh vực an sinh xã hội và từ thiện nhân đạo ở Việt Nam hiện nay*” của Ban Tôn giáo Chính phủ vào tháng 7/2021; Tài liệu “*Nguồn lực tôn giáo, kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*” của Viện Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh... Các chuyên đề, bài viết của các tác giả tại các công trình này đều đã cho thấy nguồn lực TNTG là một hiện hữu xã hội và cần được nhìn nhận nó trên thực tế và các quyết sách chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tinh thần này đã được triển khai trên phương diện quyết sách chiến lược của mỗi địa phương hay chưa? đây là vấn đề cần phải đặt ra, trong đó Nam Định là một địa phương có nguồn lực TNTG rất lớn nhưng quan điểm nhìn nhận và cách thức khai thác nguồn lực này còn hạn chế.

Bài viết này là một nghiên cứu tiếp nối các nghiên cứu trước của tác giả về nguồn lực TNTG đã từng tham gia hội thảo quốc tế về “*Nguồn lực tôn giáo, kinh nghiệm quốc tế cho Việt Nam*” năm 2021 nhưng chủ yếu tập trung vào đánh giá nguồn lực TNTG trên địa bàn tỉnh Nam

Định. Các nhận định, số liệu, tư liệu hoàn toàn dựa trên các tư liệu khảo sát tại tỉnh Nam Định năm 2022 và thu thập từ 520 phiếu phỏng vấn trên toàn địa bàn, kết hợp với các nghiên cứu tư liệu từ các ban, ngành địa phương cung cấp và những quan sát thực tế tại Nam Định.

1. Nhận thức về nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo

Theo từ điển Tiếng Việt, “nguồn” được hiểu là dòng chảy; lực là sức mạnh. Nguồn có hai nghĩa: (i) Là nơi bắt đầu của sông, suối; (ii) Nơi phát sinh, tạo ra hoặc cung cấp cái gì. Như vậy, nguồn lực được hiểu là điểm phát sinh/ điểm bắt đầu của dòng/luồng sức mạnh [Nguyễn Như Ý, 1999: 1069, 1216]. Nếu theo nghĩa này, có thể hiểu *nguồn lực tôn giáo* là lấy tôn giáo làm điểm bắt đầu/điểm phát sinh để tạo ra sức mạnh trong phát triển kinh tế xã hội. Tất nhiên, tôn giáo ở đây không nên hiểu đơn thuần chỉ là những di sản tôn giáo, năng lực và khả năng huy động nguồn lực xã hội của các tổ chức tôn giáo, mà còn là *các hệ giá trị của các tôn giáo nữa*. Như vậy, khi chúng ta lấy TNTG làm điểm tựa và sức mạnh nội sinh cho/ trong phát triển kinh tế - xã hội, thì điều đó có nghĩa là *không chỉ có khai thác các di sản TNTG/ tài nguyên TNTG hay các năng lực huy động xã hội của các tổ chức TNTG để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội ở từng địa phương, mà còn phải biết đưa giá trị, hệ giá trị chuẩn của TNTG vào trong các quan hệ kinh tế, xã hội*.

Xuất phát từ quan điểm này, nguồn lực TNTG ở Việt Nam nói chung và Nam Định nói riêng có thể khai thác trên các phương diện sau:

- Khai thác các di sản TNTG làm sản phẩm du lịch đặc thù, nhằm thúc đẩy phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, thông qua đó, thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch và quảng bá các di sản văn hóa TNTG;
- Phát huy năng lực huy động nguồn lực xã hội của các tổ chức TNTG phục vụ các mục tiêu an sinh xã hội;
- Khai thác và phát huy các giá trị, hệ giá trị, chuẩn mực TNTG vào trong hành xử xã hội và các quan hệ kinh tế, xã hội.

2. Nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo ở Nam Định

2.1. Nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể

Có thể nói, số lượng các di sản TNTG ở Nam Định là vô cùng to lớn, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Đây là một lợi thế mà ít địa phương nào trong cả nước có được.

Về cơ sở tín ngưỡng, hiện nay, Nam Định có 2.699 cơ sở gồm đình, đền, miếu, phủ, điện thờ, từ đường dòng họ, nhà lưu niệm..., phân bố trên địa bàn 10 huyện, thành phố, trong số đó 1.348 di tích nằm trong danh mục kiểm kê di tích được UBND tỉnh quyết định phê duyệt, với 408 cơ sở được xếp hạng di tích (khu di tích lịch sử đền Trần - chùa Tháp được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt; 87 di tích cấp quốc gia, trong đó cụm di tích Phủ Dầy và lăng Mẫu Liễu là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia có giá trị nghệ thuật, đang chuẩn bị đưa vào danh mục di tích cấp quốc gia đặc biệt và 319 di tích cấp tỉnh), 940 cơ sở chưa xếp hạng. Đây là một kho tàng lớn các di sản văn hóa vật thể có thể trở thành những điểm đến cho ngành du lịch văn hóa, du lịch tâm linh.

Về tôn giáo, Nam Định hội tụ đủ cả ba tôn giáo lớn là Phật giáo, Công giáo và đạo Tin Lành với bốn tổ chức: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) và Hội thánh Phúc âm toàn vẹn Việt Nam (tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo), với 1.507 cơ sở thờ tự hợp pháp [Ban Tôn giáo tỉnh Nam Định, 2022].

Chỉ tính riêng số lượng các cơ sở Phật giáo tại Nam Định hiện nay là 838 cơ sở, trong đó, chùa Phỏ Minh, chùa Cổ Lễ, chùa Keo Hành Thiện là những công trình kiến trúc Phật giáo đặc biệt có giá trị lịch sử văn hóa và nghệ thuật kiến trúc độc đáo. Với Công giáo ở Nam Định, các cơ sở có giá trị di sản văn hóa đều nằm trọn vẹn trên địa bàn Giáo phận Bùi Chu và một phần Giáo phận Hà Nội với 141 xứ - nhà thờ xứ (Giáo phận Bùi Chu 119 xứ, Giáo phận Hà Nội 22 xứ), 521 nhà thờ họ, 513 nhà nguyện, Toà Giám mục Bùi Chu và Đại chủng viện Đức Mẹ Vô Nhiễm Bùi Chu. Nhiều nhà thờ có giá trị lịch sử và kiến trúc như nhà thờ Hưng Nghĩa, nhà thờ Sa Châu, đền Thánh Thức Hóa, tiểu vương cung thánh đường Phú Nhai, đền Thánh giáo xứ Tùng Nhi, đền thánh giáo xứ Hòa Định... Gần đây nhất là nhà thờ giáo xứ Tân Bồi làm hoàn toàn bằng gỗ theo kết cấu kiến trúc phương Đông cổ truyền mới được khánh thành tháng 12/2022 kết hợp giữa kiến trúc gỗ Á

Đông (chông rường, giá chiêng, kẻ bầy....) và kiến trúc Gô tích phương Tây ở mặt tiền. Tất cả những cơ sở này đều có niên đại lịch sử hàng trăm năm với lối kiến trúc độc đáo và nội thất mang đậm sắc thái văn hóa thẩm mỹ Công giáo. Những công trình tôn giáo này đem lại những lợi thế lớn cho tỉnh Nam Định và hoàn toàn có thể trở thành những địa điểm du lịch hấp dẫn, tuy nhiên, gần như chưa được khai thác trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh.

2.2. Nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở năng lực huy động đóng góp xã hội

Điều nhận thấy đầu tiên là các TNTG ở Việt Nam đều thực thi hai sứ mệnh quan trọng nhất đó là *trở thành chỗ dựa tinh thần cho quần chúng nhân dân và trợ giúp các cá nhân, cộng đồng xã hội yếu thế thông qua các hoạt động thiện nguyện, y tế miễn phí, giáo dục nhân đạo*. Trong phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, ngoài các phong trào chung, người dân theo các tôn giáo còn hưởng ứng, triển khai nhiều phong trào khác như: “Đẹp xóm làng, đẹp xứ họ, đẹp nhà cửa, đẹp ruộng đồng”, “Xây dựng xứ, họ đạo tiên tiến, gia đình Công giáo gương mẫu”, “Xây dựng chùa tinh tiến”... Trong 10 năm gần đây, có 1.452 lượt xứ, họ đạo đạt “Xứ, họ tiên tiến”; 98.793 lượt gia đình đạt “Gia đình Công giáo gương mẫu”; 571 chùa đạt “Chùa tinh tiến”. Các cơ sở tôn giáo tiêu biểu là: Chùa Phúc Trọng, chùa Vọng Cung (thành phố Nam Định); chùa Hoàn Nha Chính (Giao Thủy); chùa Linh Ứng (Hải Hậu); giáo xứ Thủy Nhai, giáo xứ Xuân Dục (Xuân Trường). Đặc biệt, trong phong trào “Đẹp xóm làng, đẹp xứ họ, đẹp nhà cửa, đẹp ruộng đồng” tham gia xây dựng nông thôn mới, bà con giáo dân đã tự nguyện hiến 32.361m² đất thổ cư, ủng hộ hơn 400 tỷ đồng để làm đường giao thông, xây dựng các công trình phúc lợi ở địa phương [Xuân Thu, 2022].

Chức sắc các tôn giáo luôn đi đầu giúp đỡ xây nhà, mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, chung tay cùng chính quyền làm đường, xây dựng trường học, nhà văn hóa... Hưởng ứng cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, các chức sắc tôn giáo đã quyên góp được trên 30 tỉ đồng, xây mới 376 nhà đại đoàn kết, nhà tình thương. Các tổ chức tôn giáo đã ủng hộ trên 4,5 tỉ đồng vào các

quỹ từ thiện, tặng gần 1.000 sổ tiết kiệm cho gia đình liệt sĩ, người nghèo cô đơn. Tòa Giám mục Bùi Chu đã tổ chức Chương trình mở thủy tinh thể miễn phí cho 1.100 bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn không phân biệt tôn giáo; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để 28 cơ sở tôn giáo trực thuộc nuôi dưỡng, chăm sóc trên 300 người già cô đơn. Đặc biệt, Cô nhi viện Thánh An, Bùi Chu (Xuân Trường) là nơi chăm sóc trên 100 người có hoàn cảnh đặc biệt, dị tật bẩm sinh. Trong đợt cao điểm của công tác phòng chống dịch ở Nam Định, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh kêu gọi cộng đồng đóng góp hơn một tỉ đồng ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Ban Bác ái - xã hội thuộc Giáo phận Bùi Chu đã đến thăm, tặng quà cán bộ, giáo viên, học sinh Trường THPT Lê Quý Đôn cùng số người tiếp xúc gần các ca bệnh Covid-19 (F1), cách ly tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên thị trấn Cát Thành (Trực Ninh) và tại Trung đoàn 180 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh với số tiền hàng chục triệu đồng. Hội Thánh Tin Lành Hoàn Nhị thường xuyên tổ chức các hoạt động giúp đỡ người nghèo, trẻ mồ côi trên địa bàn các huyện ven biển của tỉnh...

Năm 2021, trong lúc cả miền Nam đang gồng mình chống dịch, đoàn chèo của tỉnh Nam Định đã xung phong vào miền Nam hỗ trợ thiết bị y tế tham gia hỗ trợ, phòng chống dịch Covid-19 tại bệnh viện dã chiến số 13, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Việc chấp nhận vào chốn nguy hiểm để trợ giúp người bệnh và các y bác sĩ của chèo tỉnh Nam Định và nhiều tỉnh thành khác trên cả nước vào thời gian này cho thấy lực lượng tu sĩ Nam Định không chỉ tiếp nối truyền thống tiền nhân¹ mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm với đồng loại và thực hiện sứ mệnh trụ đỡ tinh thần, hộ pháp cứu nhân cho xã hội.

Bên cạnh đó, các thủ nhang của hai phủ thờ Mẫu lớn ở Phủ Dầy là Tiên Hương và Vân Cát, cho biết, ngoài các khoản đóng góp cho ngân sách địa phương, các phủ còn tham gia đóng góp và hỗ trợ các công trình phúc lợi công cộng như làm đường, xây dựng trường học tại địa phương. Phủ Tiên Hương đóng góp kinh phí đường giao thông nông thôn tại địa phương là 165 triệu trong năm 2021, và trong năm 2023, đóng góp 100 triệu làm đường; làm nhà văn hóa 80 triệu và 50 khối bê

tông. Phủ Vân Cát tham gia làm hai nhà văn hóa, làm đường và cầu năm 2012; và 100 triệu làm đường giao thông nông thôn năm 2023². Đây là những khoản đóng góp không nhỏ của các cơ sở tín ngưỡng cho các mục tiêu xây dựng nông thôn mới và phục vụ an sinh xã hội tại địa phương. Đó là chưa kể các khoản đóng góp cho các hoạt động khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, đặc biệt, là các khoản đóng góp cho ngân sách địa phương hằng năm ...

Tương tự như vậy, các cơ sở tín ngưỡng tại quần thể di tích đền Trần với các cụm đền Bảo Lộc, Thiên Trường, Cổ Trạch, hằng năm cũng đóng góp đáng kể cho ngân sách địa phương và ngân sách thành phố. Có thể nói, với cương vị là các thủ lĩnh tinh thần, các chức sắc, thủ từ, có lợi thế hơn rất nhiều so với chính quyền khi đứng ra kêu gọi hoặc huy động nguồn lực xã hội. Với đặc trưng tâm lý của người dân, cúng dường là để tạo phúc cho bản thân và con cháu mai sau, nên khi các vị chức sắc, thủ từ, đứng ra kêu gọi thì khả năng huy động được các nguồn lực trong tín đồ là rất cao. Đây là một thực tế mà ai cũng phải công nhận bởi: 1) cúng dường, hay công đức là đi kèm niềm tin tôn giáo, người dân tin rằng việc làm của họ sẽ để lại phúc đức cho con cháu mai sau; 2) Các công trình làm phúc lợi này thường công khai, minh bạch về tài chính. Thực tế quan sát hạ tầng đường xá, cầu cống, nhà văn hóa... ở các giáo xứ Công giáo ở Giao Thủy, Hải Hậu, Xuân Trường hoặc khu vực Đền Trần, Phủ Dầy, ta có thể thấy rất rõ những thành công trong việc các cá nhân, tổ chức TNTG đứng ra huy động đóng góp xã hội vào các công trình phúc lợi công cộng.

2.3. Nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở là các hệ giá trị tín ngưỡng, tôn giáo

Giá trị tôn giáo vừa là giá trị tự thân, vừa là giá trị phổ quát; do đó, tôn giáo vừa tạo ra, vừa hấp thụ và phát triển hệ giá trị chung của xã hội, trong đó, đặc biệt là các giá trị: *chân lý, luân lý và đạo đức, thẩm mỹ, tư tưởng*. Ở Việt Nam, tôn giáo có vai trò quan trọng đối với xã hội ở các phương diện đạo đức, thẩm mỹ, triết lý và chính trị. Tôn giáo mang giá trị nhân văn sâu sắc và có những tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển xã hội, bởi có khả năng tạo ra sự ổn định và liên kết xã hội, đứng đầu trong việc xây dựng lòng khoan dung, nhân ái. Xem

xét các hệ giá trị của TNTG với tư cách là nguồn lực tức là nhìn nhận khả năng tác động của các giá trị đó đến việc hình thành nhân cách con người và điều tiết các quan hệ xã hội, quan hệ kinh tế.

Trong các tôn giáo, giá trị chân lý thể hiện ở việc “khẳng định trong giáo lý nắm giữ sự thật, giải thích được sự thật và có thể trồng cây vào sự thật để định hướng niềm tin của con người như một lý tưởng sống tuyệt đối và hoàn mỹ” [Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2015: 40]. Giá trị chân lý vừa giúp cho tôn giáo có những quyền lực nhất định (quyền lực nắm giữ sự thật), vừa là cốt lõi tạo niềm tin, tình cảm, nhận thức và điều khiển hành vi của tín đồ. Chân lý trong các tôn giáo khác nhau được biểu hiện thành các định đề khác nhau, nhưng về cơ bản đều mang tính triết học và dung chứa những nội dung phản ánh quy luật đời người, mối quan hệ giữa con người và vạn vật. Trong Phật giáo, chân lý được thể hiện ở *nguyên lý vô thường: mọi sự vật đều hữu hạn, không thường hằng, mau qua chóng hết*. Điều này, được phản ánh trong vũ trụ luận của Phật giáo. Sự vật đã vô thường thì không có vật này vật kia, nghĩa là không có cá tính tồn tại, chỉ là những danh sắc trôi chảy, những trạng thái biến hiện. “Nội giới tâm lý con người ta cũng vậy. Từ thân thể đến ý thức đều là những trào lưu biến hiện, chợt yêu, chợt ghét, chợt vui, chợt buồn không có cái ngã tồn tại, tất cả chỉ là một tràng những tia sáng nối tiếp nhau” [Nguyễn Đăng Thục, 1997: 213]. Cá nhân mỗi người cũng sinh ra rồi chết đi, và khắp nơi đời sống phù du này thay đổi ngày này qua ngày khác, lúc này qua lúc khác. Không có gì tồn tại tự nó vĩnh viễn [xem: Andrew Skilton (Dharmacari Sthiramati)]. Như thế, nguyên lý này xác lập một cái nhìn về sự biến đổi tất yếu của vũ trụ và con người. Do đó, con người cần biết được mình chỉ là một hợp phần của vũ trụ, một bộ phận của cộng đồng xã hội. Con người sẽ không thể tồn tại nếu chỉ coi mình là duy nhất, là không có gì có thể thay thế. Con người phải tạo ra được một sự đồng điệu, một môi trường sống yên ổn và tuân theo các chuẩn mực đã được các thành viên của cộng đồng chấp nhận. Từ điểm này mà *cộng sinh đã trở thành triết lý sống của người Phật tử*. Cộng sinh một cách hài hòa có nghĩa là con người hòa đồng với muôn vật, muôn loài theo tự nhiên. Vì vậy, hạnh phúc tương lai của con người không tách rời được tự nhiên. Quan điểm này, nếu được quán chiếu trong các hành xử xã hội sẽ điều tiết các hành động cực đoan của

con người, nhóm người khi tiến hành các động thái có ảnh hưởng đến tự nhiên, cộng đồng xã hội.

Luân lý, đạo đức mà các tôn giáo xiển dương chính là các nguyên tắc đạo đức và lối sống cho cá nhân và cộng đồng theo một khuôn/hình mẫu lý tưởng mà tôn giáo đó xây dựng. Nhìn vào cách hành xử của tín đồ, có thể thấy rõ giá trị luân lý đã chi phối mối quan hệ giữa cá nhân và nhóm, cộng đồng như thế nào. Trong Phật giáo, con người với con người phải sống bằng ý niệm tri ân, báo ân vì đó là một nếp sống đẹp, có trước có sau, có ân nghĩa. Nguyên tắc này có thể tìm trong tư tưởng “Lục hòa”: *Thân hòa đồng trụ* (Hòa đồng trên nguyên tắc hành động), *Khẩu hòa vô tránh* (Hòa đồng trên nguyên tắc ngôn luận), *Ý hòa đồng duyệt* (Hòa đồng trên nguyên tắc ý chí), *Giới hòa đồng tu* (Hòa đồng trên nguyên tắc kỷ luật), *Kiến hòa đồng giải* (Hòa đồng trên nguyên tắc nhận thức), *Lợi hòa đồng quân* (Hòa đồng trên nguyên tắc quyền lợi)...

Như vậy, tư duy Lục hòa của Phật giáo cũng chính là khẩu hiệu để điều tiết các quan hệ xã hội nhằm tạo ra sự đồng thuận xã hội dựa trên các nguyên tắc sống cùng tuân thủ kỷ luật, kỷ cương, tôn trọng nhau trong giao tế xã hội, quyền lợi phân chia hài hòa. Để làm được điều đó, ý chí, tâm địa mọi người cần được buông xả thì tâm hồng mới thư thái, vui vẻ, ý nghĩ mới trong sáng, thanh tịnh; như vậy mới giữ được hòa khí. Cuối cùng là tri thức, nhận thức cũng cần được bày tỏ, chia sẻ để tạo ra nhận thức chung của cộng đồng. Thiết nghĩ, những nguyên tắc này cũng là nền tảng quan trọng của một xã hội văn minh.

Trong Công giáo, *giá trị đạo đức lại được thể hiện ở tình thần yêu thương*. Yêu thương là khởi nguồn của các hệ giá trị khác như bác ái, chia sẻ, tình anh em, huynh đệ... Nếu không có yêu thương thì con người không thể có những hành động tốt đẹp với những người khác. Đây là nền tảng của phẩm giá con người. Điều này, không những đòi hỏi phải tôn trọng mạng sống con người, mà còn phải tôn trọng phẩm giá con người. Nếu hiểu đúng và làm đúng phương châm này của luân lý đạo đức Công giáo, cũng chính là tạo ra một xã hội nhân văn và tốt đẹp. Ở đó, mọi người đều bình đẳng nhau về cơ hội sống và phát triển. Khi nhân phẩm của mọi người đều được tôn trọng, thì ắt hẳn không ai

bị bỏ lại phía sau. Do đó, yêu thương là *giá trị phổ quát nhất của luân lý Công giáo là: Mến Chúa - Yêu người*. Muốn mến Chúa thì trước tiên phải biết yêu thương con người, yêu thương đồng loại. Và *yêu người là tiền đề cơ bản để yêu Chúa*. Để yêu thương con người chỉ cần thực hiện mười điều răn là tổng hợp tất cả những triết lý sống cơ bản nhất của con người trong tương quan với gia đình, cộng đồng và xã hội.

Luân lý trong các tín ngưỡng ở Việt Nam lại thể hiện ở chiều kích *ứng xử người - thần và tôn trọng tính nữ*. Thần ở Việt Nam chủ yếu là những nhân vật có công lao với nhân dân, đất nước trên các lĩnh vực: lập làng mở đất, đánh giặc, dạy nghề, dạy ca múa, vui chơi... Việc thờ phụng tế lễ trao truyền qua các thế hệ người Việt từ xưa cho đến nay thực tế cũng chính là sự *giáo dục con người về cách thức và sự tuân thủ trong các chiều kích ứng xử: với người có ơn nghĩa là biết ơn trọng thị; với thiên nhiên là hài hòa kính nhường, với phụ nữ là ghi công tôn trọng*. Đó là thể ứng xử mang tính vĩ mô, làm thành phương châm chung: *kính - thờ*. Cách quy định thể ứng xử này thể hiện bằng việc thờ phụng hương khói và tế lễ hằng năm. Việc làm này, nhằm mục đích tạo ra thói quen duy trì qua các thế hệ, thông qua đó giáo dục con người biết hướng tới những điều lớn lao hơn, biết sống và hành động vì những mục đích cao cả. Tư duy “uống nước nhớ nguồn” vì thế, đã trở thành lẽ sống, thước đo đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam. Nói một cách khác, đó là cách định hướng con người hiện tại phải biết trân trọng quá khứ.

Thẩm mỹ cũng là một giá trị phổ quát của các TNTG biểu đạt qua những *phương cách biểu đạt cái đẹp, cái vĩnh cửu và cái thiện* theo giáo lý của các tôn giáo. Ở khía cạnh này, giá trị thẩm mỹ của tôn giáo được biểu đạt ở hai khía cạnh: *cảm xúc tôn giáo* và *di sản tôn giáo* trong/quá toàn bộ các “di sản - tài liệu” hữu hình (vật thể) và vô hình (phi vật thể). Từ kinh kệ, sách giáo lý, kiến trúc, nghệ thuật, cho đến các nghi thức, quy tắc, ký hiệu, biểu tượng và hình tượng diễn tả..., những công cụ này nhằm biểu đạt các giáo lý cơ bản của tôn giáo bằng ngôn ngữ nghệ thuật. Vì vậy, chúng gọi ra ở người thưởng thức nghệ thuật hay tín đồ các xúc cảm riêng, mãnh liệt và niềm tin vô bờ vào cái thiêng mà họ tôn thờ. Nhờ đó mà tôn giáo nào cũng được thừa

nhận như một hình ảnh của sự hoàn thiện trong con mắt tín đồ. Điều này, làm nên *giá trị thẩm mỹ của tôn giáo*.

Hầu hết, các tác phẩm hội họa nổi tiếng của Giáo hội Công giáo đều được chuyển hóa từ nội dung trong Kinh Thánh. Nhu cầu về cái đẹp xuất hiện trong thờ phượng Thiên Chúa và tôn kính các thánh xuất hiện rõ nhất qua lĩnh vực ảnh tượng. “Sáng Thế ký” của Kinh Thánh Cựu Ước cho thấy chính Thiên Chúa là một “nghệ sĩ” sáng tạo ra vẻ đẹp của vũ trụ muôn loài và chính điều này đã thành chủ đề để các nghệ sĩ hậu thế dùng trí tuệ tài năng của mình tạo ra các tác phẩm đẹp³. Có thể nói, các giá trị nghệ thuật của Công giáo qua các phương diện kiến trúc, điêu khắc và hội họa đều là những kiệt tác bất hủ, đã phần lấy cảm hứng từ các câu chuyện trong Kinh Thánh Công giáo. Các công trình nghệ thuật của các điêu khắc gia vĩ đại như Raphael, Michel Angelo hoặc Léonardo da Vinci với những kiệt tác lừng danh thế giới về chủ đề Thiên Chúa sáng tạo hay các Thánh tích mà ở đó sự thăng hoa của nghệ thuật hình thành trên nền tảng mối quan hệ thẩm mỹ qua cách diễn tả bởi nghi thức thờ phụng và các hình thức biểu đạt niềm tin tôn giáo.

Giá trị thẩm mỹ của tôn giáo còn thể hiện ở hệ thống các di sản tôn giáo đã vượt thời gian để lại cho hậu thế, thông qua nhiều phương tiện biểu đạt khác nhau. Đó là các công trình kiến trúc, nghệ thuật... Ở phương diện này, tất cả các tôn giáo khác nhau đều hiện diện một khối lượng di sản đồ sộ mang nhiều sắc thái văn hóa vùng miền. Chỉ riêng ở Việt Nam, sự hiện diện của nhà thờ đá Phát Diệm, tranh, tượng về Đức Mẹ Mân côi được Việt hóa và hàng loạt các ảnh tượng khác về Chúa chịu nạn, Thánh tích đã làm nên một dòng văn hóa mỹ thuật Công giáo tuyệt đẹp. Các di sản đó không chỉ gợi lên cảm xúc về cái đẹp, mà còn thức dậy trong mỗi con người ý niệm về sự trong sáng, thiện lành và tình yêu thương nhân loại.

Khác với di sản Công giáo, những ngôi chùa, đình làng của người Việt nằm ẩn sâu dưới những tán cây cổ thụ lâu năm với vẻ đẹp trầm mặc vượt thời gian, để lại cho hậu thế biết bao điều về nhân sinh và chuẩn mực của vẻ đẹp Á đông. Đó là nghệ thuật tạo mộc, chông rường, giá chiêng, trong công trình kiến trúc; nghệ thuật tạo tác tượng

thờ và các điêu khắc đầu cột, vì kèo mang đầy hơi thở của cuộc sống hiện sinh. Quan trọng hơn, các cơ sở tôn giáo ấy lại là nơi thể hiện hết tài năng, tư duy và mơ ước của con người. Những di sản kiến trúc ấy, đến nay vẫn khẳng định giá trị vững bền thách thức với thời gian và là những công trình kiến trúc, nghệ thuật vô giá mà các cơ sở Công giáo như nhà thờ thánh Sa Châu, Hưng Nghĩa, Tiểu Vương cung thánh đường Phú Nhai; nhà thờ giáo xứ Tân Bồi, Chùa Keo Hành Thiện, chùa Cổ Lễ, chùa Phổ Minh... là chứng tích của lịch sử. Những bức mê, cốn, chạm lộng, bong kênh, trên các cột, kèo, vì... của chùa Keo Hành Thiện, chùa Phổ Minh, các công trình tín ngưỡng thờ Mẫu ở Phủ Dầy... cũng là những kiệt tác nghệ thuật như thế. Như vậy, các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ là cơ sở tôn giáo đơn thuần mà còn là nơi thăng hoa của nghệ thuật, của cái đẹp, của những ước mơ và tư duy tự do bay bổng, kết hợp với nền minh triết dân gian làm nên những giá trị trường tồn. Với chức năng đa dạng ấy, chùa, đình, phủ, nhà thờ ở Nam Định không chỉ là biểu tượng tâm linh mà còn là biểu tượng của tâm tư, nguyện vọng và tình cảm, trí tuệ được thăng hoa. Vì thế, chùa, đình với người Việt Nam không chỉ là chốn thâm nghiêm tôn giáo, mà còn là biểu tượng của chân - thiện - mỹ, biểu tượng của những gì tốt đẹp nhất trong tâm hồn và tính cách người Việt.

Cái đẹp của TNTG có sự đóng góp như thế nào trong phát triển kinh tế - xã hội? Cái đẹp của nghệ thuật kiến trúc hay hội họa tôn giáo không chỉ tạo ra những điểm du lịch hấp dẫn, thúc đẩy ngành công nghiệp không khói cho các địa phương đang nắm giữ di sản, mà ở khía cạnh nhân văn, cái đẹp sẽ chế ngự cái ác và tạo ra xúc cảm thiện lành cho mỗi người khi thụ cảm về nó. Vì thế, cái đẹp trong nghệ thuật tôn giáo còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Cái đẹp không chỉ khiến cho tâm hồn con người bớt thô nhám, cần cỗi mà còn thức dậy những cảm xúc tích cực, nảy sinh sự đam mê và năng lực sáng tạo. Tóm lại, cái đẹp của TNTG là động lực khiến các cá nhân mong muốn hoàn thiện mình hơn và kích thích con người sáng tạo.

Tính thẩm mỹ của tôn giáo còn thể hiện ở việc xây dựng, dàn dựng sáng tạo ra thế giới đa thần như một mẫu mực cho cuộc đời này hướng tới

Với những hình ảnh cụ thể và các Thánh tích đi kèm, có thể thấy hầu hết các đẳng thiêng liêng trong mọi tôn giáo đều là sự kết tinh của những gì tốt đẹp nhất. Họ là bậc giác ngộ (Phật), sáng tạo (Chúa), là tiên tri, là thánh linh, vừa sáng tạo ra vũ trụ, vừa dẫn dắt con người khỏi những mê lầm của bản năng và sự vô minh để đi đến bờ của sự giác ngộ. Thần thoại/ngọc phả về các thần, thánh ở Nam Định xét về khía cạnh thẩm mỹ giống như những thiên anh hùng ca trên mọi lĩnh vực, từ sáng tạo vũ trụ đến xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước; từ lao động sản xuất đến vui chơi, giải trí. Hình tượng nữ thần Liễu Hạnh với tài năng thiên phú và “cuộc sống phiêu du”, khả năng khuyến thiện, trừng ác đã trở thành biểu tượng thể hiện khát vọng tự do tư tưởng của các nhà Nho cuối thế kỷ XVI và khát vọng tự do vượt lên số phận của phụ nữ thời điểm đó; Hình tượng đức Thánh Trần với vai trò “kép” là biểu tượng của bản hùng ca giữ nước và khát vọng trị thủy; Thánh Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ vừa là hiện thân của giới trí thức trụ đỡ của vương triều thời kỳ đầu Đại Việt, vừa là thần tổ các nghề (đúc đồng, múa rối). Tất cả những biểu tượng thiêng đó chính là kết tinh của khí thiêng sông núi, tinh anh trời đất và là hiền tài của địa phương. Quan trọng hơn cả, những hình mẫu này trong TNTG có tác dụng dẫn dắt con người phấn đấu, cống hiến và trau dồi nhân cách để trở nên hoàn thiện hơn. Một tín đồ doanh nhân thường xuyên đi nhà thờ, sẽ ý thức được việc mình làm phải đảm bảo không phạm điều răn Thiên Chúa, một chính khách khi chấp tay trước Đức Phật, sẽ hiểu nhân quả chi phối mọi kiếp người. Như vậy, tôn giáo trong vai trò nguồn lực đã có những đóng góp không nhỏ cho xã hội trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều rào cản trong việc huy động nguồn lực này vào phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có vai trò quản lý nhà nước về TNTG.

2. Vai trò của quản lý nhà nước trong huy động nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo

Trong bất cứ một thể chế xã hội nào, vai trò điều tiết và vận hành xã hội thuộc về bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Bộ máy này, nếu được hoàn thiện trên các mặt, quan điểm tư tưởng, thể chế, hành lang pháp lý và năng lực của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan liên quan... sẽ là những tiền đề và điều kiện cần và

đủ cho mọi hoạt động quản lý nhà nước nói chung và trong lĩnh vực TNTG nói riêng.

Trong nhiều diễn đàn gần đây, đặc biệt, tại hội thảo khoa học tổ chức tháng 7/2023 tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, có thể thấy, TNTG là một nguồn lực lớn chưa được phát huy tối đa các tiềm năng. Thực tế cũng cho thấy, còn khá nhiều rào cản để có thể huy động được nguồn lực này trong phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, để huy động được nguồn lực TNTG, trước hết nhà nước và các cấp chính quyền tỉnh Nam Định phải quán triệt quan điểm:

- Coi tôn giáo là một thực thể xã hội, các tổ chức tôn giáo là bộ máy kiến tạo, điều hành thực thể đó. Ngược lại, nhà nước phải thực sự là một thể chế xã hội dựa trên pháp luật;

- Tạo điều kiện để người dân được thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở không vi phạm pháp luật.

- Thể chế hóa pháp luật và có cơ chế hướng dẫn để các tôn giáo tham gia vào các lĩnh vực y tế và giáo dục. Bởi, nếu không việc phát huy nguồn lực các tôn giáo ở Việt Nam tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội chỉ là khẩu hiệu. Chúng ta cần thống nhất quan điểm bình thường hóa việc tôn giáo tham gia vào các lĩnh vực dân sự như làm kinh tế, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường...⁴.

- Nhà nước và chính quyền các địa phương cần có cơ chế giám sát, tạo điều kiện để các tổ chức tôn giáo nước ngoài có thể kết hợp với các tổ chức tôn giáo trong nước tham gia vào các chương trình nhân đạo của địa phương. Đây là một nguồn lực không nhỏ, bổ trợ cho các chương trình an ninh kinh tế, an sinh xã hội của địa phương.

Do các tổ chức tôn giáo không bị giới hạn bởi các ranh giới quốc gia, đặc thù của đức tin là vượt qua ranh giới địa - chính trị, nên tôn giáo có ưu thế trong việc kêu gọi các nguồn tài trợ từ bên ngoài, trong việc thực hiện các hoạt động xã hội, cung cấp các dịch vụ công. Một số tổ chức quốc tế như Tầm nhìn Thế giới (World Vision), Tổ chức Cứu trợ Lutheran Thế giới (World Lutheran Relief) hoặc tổ chức Dịch vụ xã hội dựa trên đức tin (Faith-based organizations serve/FBOs), các tổ chức phi chính phủ dựa trên đức tin (non-governmental

organizations/ NGOs) đã và đang liên kết, hỗ trợ với các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam để cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục mầm non, từ thiện nhân đạo, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo cho trẻ mồ côi, trẻ em khuyết tật, người già không nơi nương tựa, người nhiễm HIV/ AIDS... Ngoài ra, các tổ chức này còn có khả năng huy động một nguồn lực xã hội đáng kể (do có uy tín đạo đức riêng biệt), huy động nguồn tài chính lớn, sử dụng đội tình nguyện viên hùng hậu - điều mà khó có tổ chức xã hội nào có thể làm tốt hơn họ.

Trong những năm gần đây, TNTG mặc dù đã được nhìn nhận một cách thỏa đáng hơn, nhưng việc đánh giá đúng về nguồn lực TNTG chưa phải đã được quán triệt trong nhận thức của các cấp lãnh đạo các cấp, các địa phương; vì vậy, vẫn chưa tạo ra những cơ chế để các tôn giáo tham gia, dân thân nhiều hơn trong các hoạt động xã hội. Qua các nghiên cứu khảo sát của chúng tôi cho thấy, Công giáo ở Việt Nam hiện nay đã có thể tham gia trong lĩnh vực giáo dục các cấp (từ mầm non tới đại học), tuy nhiên, cho đến nay, họ mới chỉ được cấp phép tham gia đào tạo ở cấp mầm non.

Nhiều chương trình nhân đạo, từ thiện của các tôn giáo khi thực hiện vẫn còn khá nhiều rào cản về thủ tục hành chính, thậm chí ở nhiều địa phương, các tổ chức tôn giáo buộc phải cộng tác cùng các cơ quan chức năng như Mặt trận Tổ quốc hay Ban Dân vận để triển khai các dự án từ thiện, nhân đạo. Điều đó, vô hình chung tạo ra một lực lượng trung gian trong công tác từ thiện xã hội và tình trạng thất thoát tài chính từ thiện, hoặc từ thiện không đúng đối tượng đã và đang vẫn xảy ra.

Do quan điểm cứng nhắc với các tôn giáo có yếu tố nước ngoài, ở nhiều địa phương, các tổ chức tôn giáo có các dự án nhân đạo của các tổ chức tôn giáo nước ngoài mỗi khi có các chương trình, dự án vào Việt Nam, đều gặp khá nhiều rào cản về thủ tục hành chính. Điều này, không tránh khỏi sự e ngại, rút lui của nhiều chương trình dự án rất hữu ích cho người nghèo trong bối cảnh địa phương còn hạn chế về nguồn lực phục vụ an sinh xã hội.

Việc ứng xử với các hoạt động tôn giáo ở một số địa phương hiện nay vẫn còn có những động thái có phần ưu ái với tôn giáo này, cản

trọng với tôn giáo kia, gây ra những hiểu lầm trong nhiều giới chức tôn giáo về thái độ ứng xử của nhà nước và địa phương với các tôn giáo khác nhau. Thực tế này, dẫn đến việc khó huy động được nhiều nguồn lực của các tôn giáo cùng tham gia vào phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương...

Trong khi tiếng nói của đại diện các tôn giáo trên diễn đàn nghị trường vẫn còn khá thiếu vắng và yếu ớt; lực lượng quản lý tôn giáo (là cơ quan chuyên trách về tôn giáo và có chức năng tư vấn lãnh đạo về các vấn đề liên quan tới tôn giáo) tại các địa phương còn khá mỏng, thiếu và yếu về chuyên môn (yếu cả về tri thức tôn giáo và kỹ năng tác nghiệp). Vì vậy, không phải lúc nào cũng tìm được tiếng nói đồng thuận giữa các tổ chức tôn giáo và chính quyền địa phương. Đây cũng là lý do nhiều địa phương không huy động được các nguồn lực tôn giáo vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội.

Phật giáo ở Nam định là địa bàn chịu ảnh hưởng rất đậm nét tư duy Thiền Trúc lâm, vì thế, nếu có cơ chế tốt thì sự tham gia thân thể của các nhà tu hành trong hoạt động xã hội sẽ là nguồn nhân lực lớn và trong các chiến lược phát triển của tỉnh, cần đến uy tín và năng lực của các chức sắc tôn giáo trong huy động nguồn lực xã hội. Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần và thánh Mẫu ở Nam Định, thu hút số lượng lớn các thanh đồng có tiềm lực kinh tế và uy tín xã hội. Lực lượng này, nếu biết huy động sẽ là nguồn lực lớn đóng góp cho sự phát triển các mục tiêu kinh tế - xã hội địa phương, trên cơ sở nhà nước phải nắm được các vị đầu lĩnh là các hội trưởng của các chi hội.

Ở khía cạnh khác, tôn giáo nào cũng có những giá trị và hệ giá trị nhất định. Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị đó như thế nào để đưa vào thực hành trong quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo để xây dựng thành những diễn đàn, những phương thức tuyên truyền phù hợp để có thể phổ biến các giá trị tôn giáo đến các nhóm xã hội khác nhau.

Do lịch sử để lại, nên quan hệ giữa Giáo phận Bùi Chu và chính quyền tỉnh Nam Định vẫn còn có những khoảng cách nhất định, vì vậy muốn huy động được nguồn lực Công giáo một cách mạnh mẽ, tỉnh Nam Định cần phải có những động thái cầu thị, lắng nghe và tích cực

có những hành động cụ thể để tạo ra niềm tin và sự đồng thuận của tổ chức giáo hội tại đây. Các hoạt động như tuyên truyền các giá trị Công giáo; sự kiện nghệ thuật Công giáo; thành lập tổ tư vấn xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội địa phương và mạnh dạn mời các chức sắc tôn giáo tham gia... những động thái đó, sẽ tạo ra sự thấu hiểu lẫn nhau, tạo động lực để các chức sắc tôn giáo tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng quê hương.

Mặc dù chưa thể thống kê hết những đóng góp của các TNTG ở Nam Định, nhưng hàng loạt các hoạt động cụ thể đã phản ánh một cách khách quan và trung thực năng lực thực hiện các hoạt động an sinh xã hội của các tôn giáo ở Việt Nam. Trong điều kiện an sinh xã hội còn chưa phủ rộng khắp các đối tượng yếu thế trong xã hội, nguồn lực của nhà nước, địa phương còn nhiều hạn chế, thì tại nhiều nơi, các tôn giáo đã trở thành nguồn lực tại chỗ, sát sao và thiết thực bù đắp những thiếu hụt cho người nghèo, người yếu thế. Với đặc tính làm điều phước thiện là phương châm tu hành, trong nhiều năm qua, các tôn giáo ở Việt Nam đã trở thành lực lượng xã hội góp phần không nhỏ mang lại hạnh phúc cho người nghèo, người yếu thế, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội và giảm khoảng cách giàu nghèo, tiến tới mục đích thực hiện công bằng xã hội. Hoạt động từ thiện của các TNTG trong những năm vừa qua, đặc biệt, trong thời gian xảy ra đại dịch Covid-19, không chỉ thể hiện tình yêu thương, tinh thần tương thân tương ái, mà còn thể hiện tính nhân văn, trách nhiệm xã hội và tiềm năng cống hiến cho xã hội rất lớn của các tôn giáo ở Nam Định nói riêng và Việt Nam nói chung.

Kết luận

Với ưu thế hành động vì đức tin tôn giáo, cống hiến cho cộng đồng là thể hiện tinh thần bác ái, từ bi, là hành động thiết thực của cuộc sống tu hành, nên TNTG ở Nam Định nói riêng, ở Việt Nam nói chung đều đã thể hiện một tinh thần nhập thế sôi nổi. Từ phương diện này, các tôn giáo đã đóng góp cho xã hội những nguồn lực lớn về con người và vật chất. Những đóng góp này không chỉ đúng thời điểm, đúng đối tượng mà còn giảm tải gánh nặng an sinh xã hội cho chính quyền các cấp, các địa phương.

Ở phương diện khác, việc thừa nhận các giá trị của TNTG trong những năm qua đã được một số cơ quan nghiên cứu, thừa nhận và thể hiện trên nhiều diễn đàn. Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị và hệ giá trị của tôn giáo trong các mối quan hệ xã hội và kinh tế lại là điều còn rất mới mẻ và gần như chưa có cơ quan hay tổ chức, thậm chí tôn giáo nào thực hiện. Vì thế, các giá trị tốt đẹp của TNTG vẫn chưa thấm vào đời sống xã hội và tham gia điều tiết các quan hệ xã hội cũng như quan hệ kinh tế. Thiết nghĩ, nếu có những cơ chế phù hợp với một hành lang pháp lý tốt hơn sẽ tạo ra những tiền đề quan trọng để các tôn giáo đóng góp được nhiều hơn nữa cho nguồn lực xã hội, thực hiện sứ mệnh của mình là mang lại cuộc sống an yên, hạnh phúc cho cộng đồng./.

CHÚ THÍCH:

1. Chùa Cổ Lễ đã từng có truyền thống 27 vị hòa thượng buông áo tu sĩ tham gia kháng chiến chống Pháp.
2. Tư liệu điền dã tháng 11/ 2022 tại Nam Định.
3. Cũng xem trong *Sách giáo lý hội thánh Công giáo* các số: 32,33, 41, 341, 319, 1157, 1191. 1162, 2129, 2727, 2500-2513.
4. Bộ Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ (2021), *Cơ sở lý luận về nguồn lực của tôn giáo trong lĩnh vực an sinh xã hội và từ thiện nhân đạo ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội, tháng 7 năm 2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Skilton (Dharmacari Sthiramati), *A Concise History Of Buddhism*, bản dịch Thiện Minh, nguồn: <http://www.budsas.org/uni/u-lichsupg/lspg01.htm> , truy cập ngày 10/10/2023.
2. Ban Tôn giáo tỉnh Nam Định (2022), *Báo cáo công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Nam Định hiện nay*. Nam Định.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đỗ Lan Hiền (2022), “Bàn về việc phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí điện tử *Lý luận chính trị*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/4135-ban-ve-viec-phat-huy-nguon-luc-ton-giao-o-viet-nam-hien-nay.html> truy cập ngày 10/10/23.
5. Nguyễn Ngọc Mai (2016), *Tìm hiểu các giá trị tôn giáo truyền thống ở Việt Nam*, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
6. Nguyễn Ngọc Mai (2021), “Nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam – Một số vấn đề đặt ra”, Hội thảo quốc tế, *Nguồn lực tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam - kinh nghiệm quốc tế*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

7. Nguyễn Ngọc Mai (2023), Những giá trị nhân văn của tôn giáo trong đời sống tinh thần của người Việt” *Diễn đàn phát huy giá trị văn hóa tôn giáo tín ngưỡng trong đời sống đương đại*, Viện Nghiên cứu văn hóa Thăng Long, *Tinh hoa đất Việt*.
8. *Sách giáo lý hội thánh Công giáo* (2010), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Xuân Thu (2022), “Nam Định phát huy vai trò các tổ chức tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội, Mặt Trận tổ quốc Việt Nam, tại: <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/nam-dinh-phat-huy-vai-tro-cac-to-chuc-ton-giao-trong-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-44953.html>. truy cập ngày 20/10/23.
10. Nguyễn Đăng Thục (1997), *Lịch sử triết học phương Đông*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2015). “*Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, ĐT cấp Nhà nước do TS. Nguyễn Quốc Tuấn làm chủ nhiệm, Hà Nội.
12. Nguyễn Như Ý (cb) (1999), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Abstract

RELIGION AND BELIEFS’ RESOURCES AND ROLES OF THE STATE MANAGEMENT IN MOBILIZING THESE RESOURCES FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN NAM DINH PROVINCE

Nguyen Ngoc Mai

Institute for Religious Studies, VASS

Resources of beliefs and religions are not a new issue in the world. In Vietnam, these resources have been present in real social and religious life for a long time, however, this issue has been recognized among researchers, managers, and authorities for about ten years. Therefore, do religious resources manifest in what aspects? and what is their effect on social and community development? In addition to presenting the theory of religion and belief’s resources, this article also focuses on introducing these resources in the relationship with the State management factors in promoting them in Nam Dinh province.

Keywords: Belief, religion, resources, state management, Nam Dinh province.